

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TUYÊN QUANG
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số **140/2018/HNGĐ-ST**

Ngày 11/6/2018

V/v “*Không công nhận quan hệ vợ
chồng*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TUYÊN QUANG, TỈNH TUYÊN QUANG
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà **Phạm Ngọc Hà**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Hà Hữu Bình**

2. Bà **Nguyễn Thị Hiền.**

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà **Hoàng Thị Minh Ngọc** - Cán bộ
Toà án nhân dân thành phố Tuyên Quang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuyên Quang tham gia phiên
tòa: Ông **Ngô Xuân Tho** - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 6 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Tuyên Quang
xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 48/2016/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm
2018 về việc “*Không công nhận quan hệ vợ chồng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét
xử số: 19/2018/QĐXX-ST ngày 24 tháng 5 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Nguyễn Thanh T**, sinh năm 1984

Địa chỉ: Số nhà 02, tổ 02 phường Nông Tiến, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên
Quang

Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn T1**, sinh năm 1984 .

Địa chỉ: Số nhà 02, tổ 02 phường Nông Tiến, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên
Quang. Hiện đang chấp hành án tại trại K3 trại giam Quyết Tiến, Tổng cục 8, Bộ Công an.

Chị T có mặt tại phiên toà, anh T1 có đơn xin xét xử vắng mặt.

NHẬN THẤY:

* Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản hòa giải nguyên đơn chị
Nguyễn Thanh T trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn T1 có tìm hiểu nhau và chung
sống với nhau từ năm 2006 nhưng chưa đăng ký kết hôn. Sau khi chung sống anh chị ở
cùng với mẹ anh T1 tại số nhà 02, tổ 02 phường Nông Tiến, thành phố Tuyên Quang, tỉnh
Tuyên Quang. Quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc, đến cuối năm
2007 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau trong

cách sống, quan điểm suy nghĩ trái ngược nhau nên anh T1 thường xuyên đi làm ăn xa thi thoảng mới về nhà, từ năm 2015 anh T1 bị xét xử 07 năm 09 tháng tù về tội ma túy và phải đi thi hành án tại trại giam Quyết Tiến. Hiện nay anh T1 vẫn đang chấp hành tại trại K3 trại giam Quyết Tiến. Chị xác định tình cảm vợ chồng giữa anh chị không còn nữa, chị khởi kiện đề nghị Toà án nhân dân thành phố Tuyên Quang giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn T1.

Về con chung: Vợ chồng chị có 02 con chung tên là: Nguyễn Văn Thành N, sinh ngày 28/9/2006 và Nguyễn Thành A - sinh ngày 22/7/2015. Ly hôn chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc và giáo dục cả 02 con chung không yêu cầu anh T1 phải cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay chị đang bán hàng hoa quả tại chợ PT thu nhập đảm bảo việc nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị và anh T1 không có tài sản chung không đề nghị Toà án giải quyết.

Tại bản tự khai và biên bản hoà giải bị đơn anh Nguyễn Văn T1 trình bày:

Anh và chị T có quan hệ tình cảm với nhau từ năm 2006 nhưng chưa đăng ký kết hôn, anh và chị T sống cùng với mẹ đẻ anh tại tổ 02 phường Nông Tiến, thành phố Tuyên Quang, quá trình chung sống anh chị hạnh phúc đến cuối năm 2007 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh chị không hợp nhau. Nay anh xác định tình cảm giữa anh và chị T không còn nên chị T đề nghị Toà án giải quyết ly hôn anh nhất trí và đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về quan hệ con chung: Vợ chồng anh có 02 con chung tên là: Nguyễn Văn Thành N, sinh ngày 28/9/2006 và Nguyễn Thành A - sinh ngày 22/7/2015. Ly hôn chị T đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc và giáo dục cả 02 con chung không yêu cầu anh phải cấp dưỡng nuôi con anh nhất trí.

Về quan hệ tài sản chung: Anh và chị T không có tài sản chung, không yêu cầu Toà án giải quyết

Về quan hệ vay nợ chung: Anh và chị T không vay nợ ai và cũng không cho ai vay nợ, không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên toà nguyên đơn vẫn giữ nguyên các ý kiến đã trình bày và đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận chị và anh T1 là vợ chồng. Về con chung chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc và giáo dục cả 02 con chung không yêu cầu anh T1 phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và vay nợ không có chị không yêu cầu Toà án xem xét giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự của Tòa án nhân dân thành phố Tuyên Quang từ giai đoạn thụ lý, điều tra, xác minh, hòa giải cũng như tại phiên tòa. Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân theo các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đề nghị áp dụng Điều 28; Điều 39;

147; 220; 228; 266 Bộ luật tố tụng dân sự. Khoản 1 Điều 9; Điều 14, Điều 15; Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thanh T về việc yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị và anh T1. Về con chung: Giao các con chung Nguyễn Văn Thành N, sinh ngày 28/9/2006 và Nguyễn Thành A - sinh ngày 22/7/2015 cho chị Nguyễn Thanh T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng và giáo dục, anh T1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung: không có không yêu cầu không xem xét giải quyết. Về vay nợ: chị T và anh T1 không vay nợ chung không xem xét giải quyết. Chị T phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn, các đương sự được quyền kháng cáo theo luật định.

XÉT THẤY

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Nguyễn Thanh T yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh Nguyễn Văn T1 và giải quyết việc nuôi con chung. Đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Tuyên Quang theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa bị đơn anh Nguyễn Văn T1 có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án nhân dân thành phố Tuyên Quang vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung:

*Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thanh T và anh Nguyễn Văn T1 chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2006, trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, được hai gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương nhưng chị T và anh T1 không đăng ký kết hôn. Sau khi cưới anh chị sống cùng mẹ đẻ anh T1 tại tổ 02 phường Nông Tiến, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang, tình cảm hoà thuận hạnh phúc, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống. Đến nay, chị T và T1 đều xác định không còn tình cảm vợ chồng với nhau, mâu thuẫn trầm trọng kéo dài không thể tiếp tục chung sống và anh chị không có đăng ký kết hôn nên chị T đề nghị Tòa án không công nhận chị và anh T1 là vợ chồng, xét yêu cầu khởi kiện của chị T là có căn cứ cần chấp nhận.

Qua xác minh tại UBND phường Y, UBND phường T và UBND phường N, thành phố T nơi chị T và anh T1 có hộ khẩu trước khi kết hôn và nơi đang chung sống (tại các sổ theo dõi đăng ký kết hôn hiện tại đang lưu giữ tại UBND phường) không thể hiện mục nào có tên Nguyễn Thanh T và Nguyễn Văn T1 trong sổ đăng ký kết hôn được lưu giữ tại UBND phường N, UBND phường Y và UBND phường T, thành

phố T. Căn cứ vào Khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 việc chị T và anh T1 chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn là vi phạm khoản 1 Điều 9 và Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình, không được pháp luật công nhận vì vậy cần xử không công nhận chị Nguyễn Thanh T và anh Nguyễn Văn T1 là vợ chồng.

Về con chung: chị Nguyễn Thanh T và anh Nguyễn Văn T1 có 02 con chung là Nguyễn Văn Thành N sinh ngày 28/9/2006 và Nguyễn Thành A - sinh ngày 22/7/2015, chị T đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc và giáo dục cả 02 con chung không yêu cầu anh T1 phải cấp dưỡng nuôi con, anh T1 cũng nhất trí với đề nghị của chị T. Vì vậy cần chấp nhận yêu cầu của chị T về yêu cầu được nuôi các con chung.

Về quan hệ tài sản chung: chị Nguyễn Thanh T và anh Nguyễn Văn T1 đều xác nhận quá trình chung sống vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về quan hệ vay nợ chung: chị Nguyễn Thanh T và anh Nguyễn Văn T1 không vay nợ chung, không yêu cầu tòa án giải quyết. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị Nguyễn Thanh T phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Điều 28; Điều 39; 147; 220; 228; 266 Bộ luật tố tụng dân sự

Khoản 1 Điều 9; Điều 14, Điều 15; Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thanh T về việc yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng.

1. Tuyên bố không công nhận chị Nguyễn Thanh T và anh Nguyễn Văn T1 là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao các con chung Nguyễn Văn Thành Nam, sinh ngày 28/9/2006 và Nguyễn Thành An - sinh ngày 22/7/2015 cho chị Nguyễn Thanh T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng và giáo dục, anh T1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh T1 có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về quan hệ tài sản chung: chị Nguyễn Thanh T và anh Nguyễn Văn T1 đều xác nhận quá trình chung sống vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Toà án giải quyết. Do vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về vay nợ: chị Nguyễn Thanh T và anh Nguyễn Văn T1 không vay nợ chung và không cho ai vay nợ chung.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Thanh T phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0005105 ngày 14/3/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang. Chị T đã nộp đủ án phí, anh Nguyễn Văn T1 không phải chịu án phí.

Nguyên đơn có mặt tại phiên toà, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TQ;
- VKSND thành phố TQ (2 bản);
- Chi cục THADS thành phố TQ;
- UBND phường N
- Các đương sự trong vụ án.;
- Lưu HS vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà.
(Đã ký)

Phạm Ngọc Hà

Các hội thẩm nhân dân **Hội đồng xét xử sơ thẩm**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Hà Hữu Bình Nguyễn Thị Hiên.

Phạm Ngọc Hà